

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VINAQUEEN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VINAQUEEN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINAQUEEN CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VINAQUEEN.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107082340

3. Ngày thành lập: 04/11/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Phòng 302, Số 160 Tây Sơn, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0435335735

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác Chi tiết: - Sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh ; - Sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm khác ; - Sản xuất các sản phẩm cách điện và các đồ đặc cố định trong nhà cách điện bằng gốm ; - Sản xuất các sản phẩm trong phòng thí nghiệm, hoá học và các sản phẩm công nghiệp ; - Sản xuất chai, lọ, bình và các vật dụng tương tự cùng một loại được sử dụng cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hoá ; - Sản xuất đồ nội thất bằng gốm ;	2393
2.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
3.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá Chi tiết: - Cắt, tạo dáng, hoàn thiện sản phẩm đá sử dụng trong xây dựng - Sản xuất đồ gia dụng bằng đá	2396
4.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
5.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
6.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
7.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662

8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng - Bán buôn đồ ngũ kim - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su;	4663
9.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ - Sản xuất đồ đạc các loại bằng mọi chất liệu (trừ gỗ, đá, bê tông và gốm)	3100
10.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
11.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
12.	Xây dựng nhà các loại	4100
13.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
14.	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: - Xây dựng: + Các đường ống với khoảng cách dài, mạng lưới truyền năng lượng và viễn thông, + Các đường ống với khoảng cách dài, mạng lưới truyền năng lượng và viễn thông ở thành phố; các công trình phụ thuộc của thành phố. - Xây dựng đường ống và hệ thống nước như : + Hệ thống tưới tiêu (kênh), + Các bể chứa. - Xây dựng các công trình cửa: + Hệ thống nước thải, bao gồm cả sửa chữa, + Nhà máy xử lý nước thải, + Các trạm bơm, + Nhà máy năng lượng, - Khoan nguồn nước.	4220
15.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống + Đập và đê.	4290(Chính)

16.	Phá dỡ	4311
17.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
18.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
19.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
20.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
21.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
22.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, + Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt ; - Xây dựng bể bơi ngoài trời ;	4390
23.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649

24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;	4659
25.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình - Thiết kế nội - ngoại thất công trình: thiết kế cảnh quan - Thiết kế kết cấu công trình - Thiết kế điện - cơ điện công trình - Thiết kế cấp - thoát nước - Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt - Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng - Thiết kế phòng cháy - chữa cháy - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ - Khảo sát địa hình - Khảo sát đại chất, địa chất thủy văn công trình	7110
26.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng - Cho thuê : + Động cơ, + Dụng cụ máy, + Thiết bị khai khoáng và thăm dò dầu, + Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn, + Thiết bị sản xuất điện ảnh, + Thiết bị đo lường và điều khiển, - Cho thuê container;	7730
27.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
28.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
29.	(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 6.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

Thời gian đăng từ ngày 06/11/2015 đến ngày 18/12/2015

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN QUỐC CHÍ	Thôn Thổ Cốc, Xã Tân Lập, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	272.000	2.720.000.000	40	145651284	
			Tổng số	272.000	2.720.000.000	40		
2	TRẦN THỊ THU HẰNG	Thôn Thư Thị, Xã Tân Lập, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	204.000	2.040.000.000	30	145816984	
			Tổng số	204.000	2.040.000.000	30		
3	TRẦN QUANG TUẤN	Số 307 - K2, tổ 52, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	102.000	1.020.000.000	15	012886829	
			Tổng số	102.000	1.020.000.000	15		
4	LÊ HỮU HÙNG	Thôn Đặng Xá, Xã Thanh Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	102.000	1.020.000.000	15	145460822	
			Tổng số	102.000	1.020.000.000	15		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN QUỐC CHÍ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 02/12/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 145651284

Ngày cấp: 19/05/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Hưng Yên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Thổ Cốc, Xã Tân Lập, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Thôn Thổ Cốc, Xã Tân Lập, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội